

KINH TẾ HỌC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG SẼ TỪ BỎ TƯ DUY KINH TẾ - MỘT NỘI DUNG MỚI TRONG KHOA HỌC KINH TẾ

Holger Rogall*

“Kinh tế” trong hai mươi năm qua đã trở thành một nguyên tắc thống lĩnh toàn bộ đời sống công cộng. Trong đó, chính sách đã mất đi phần nào chức năng điều hành của mình. Hệ quả của nó là dẫn đến suy thoái và khủng hoảng kinh tế, ô nhiễm môi trường tràn lan và trầm trọng, khai thác kiệt quệ tài nguyên thiên nhiên, nguy cơ biến đổi khí hậu... Trước thực tế này, Holger Rogall, Giáo sư Trường Đại học khoa học ứng dụng Berlin về Kinh tế và Luật (Đức)¹ chuyên nghiên cứu về Kinh tế môi trường mới² và Kinh tế phát triển bền vững³, từng là nghị sỹ Viện Dân biểu của thành phố Berlin trong các nhiệm kỳ 1991-2001, 2004-2006, nêu ra quan điểm là đã đến lúc chín muồi để chúng ta cắt mạch tư duy kinh tế và dành công sức cho xây dựng một nền kinh tế mới, một nền kinh tế phát triển bền vững. Bài báo này do Phó giáo sư, tiến sỹ khoa học Nguyễn Trung Dũng, Khoa Kinh tế và Quản lý, Đại học Thủy lợi dịch và bình luận, sẽ giới thiệu mười quan điểm chính của đề xuất.

Kinh tế phát triển bền vững (Economics of sustainable development) được hình thành và phát triển từ Kinh tế sinh thái (Ecological economics). Trong trường hợp đặc biệt nếu như nội dung của chúng trùng nhau thì gọi là Kinh tế bền vững/sinh thái. Hạt nhân hay cốt chính của Kinh tế phát triển bền vững được trình bày trong mười quan điểm dưới đây.

1. Lấy tăng cường phát triển bền vững làm nền tảng

Kinh tế phát triển bền vững cũng như kinh tế sinh thái được liệt vào vị trí tăng cường phát triển bền vững (Kopfmueeller, 2003; Bartmann, 2001). Sự phát triển bền vững như vậy nhằm đảm bảo cho tất cả con người đang sống hôm nay cũng như các thế hệ trong tương lai có được một mức cao và đầy đủ về sinh thái, kinh tế và văn hóa - xã hội, song phải nằm trong giới hạn chịu đựng của thiên nhiên. Như vậy mới đảm bảo nguyên tắc công bằng nội trong một thế hệ và giữa nhiều thế hệ sau này (Rogall, 2000; Viện Dân biểu thành phố Berlin, 2006).

Kinh tế phát triển bền vững/sinh thái chấp nhận các kiến thức và nhận thức nhất định của Kinh tế môi trường truyền thống, ví dụ các yếu tố kinh tế - xã hội sẽ dẫn đến khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên và hệ quả là gây ra những tranh luận về sự cần thiết để ban hành các công cụ pháp lý và chính sách. Do các nhà kinh tế môi trường đã đi ngược nhận thức của mình, lấy thị trường làm công cụ phân phối duy nhất và không sẵn sàng từ bỏ qua các thuyết khác như tính chiết khấu, qui đổi thành tiền các chi phí môi trường hay coi trọng chủ quyền trong tiêu dùng, nên những đóng góp của họ cho một nền kinh tế phát triển bền vững còn bị hạn chế.

* Holger Rogall, Giáo sư, Tiến sỹ, Trường Đại học khoa học ứng dụng Berlin về Kinh tế và Luật.

2. Cần cải tổ lại nền kinh tế truyền thống

Tiến tới chúng ta phải phát triển kinh tế môi trường truyền thống và kinh tế sinh thái thành kinh tế phát triển bền vững. Kinh tế bền vững/sinh thái khác với kinh tế thuần túy ở nhiều luận điểm và đã đến lúc cần phải xây dựng một ngôi nhà hoàn chỉnh về phương pháp luận, trong đó phải đưa vào sử dụng các kiến/nhận thức của các chuyên ngành khác như kết quả nghiên cứu về bộ não của con người, hành vi ứng xử, về khí hậu. Như vậy, chúng ta phải thay đổi ngay từ các khái niệm hay tư duy cơ bản ban đầu như: Không coi hàng hoá môi trường là hàng hoá công cộng (public good) mà phải xem nó như một loại hàng hoá có công (merit good) và đang bị cạn kiệt; Thay cho việc ra quyết định trong tiêu dùng hoàn toàn mang tính hợp lý và đạt mục tiêu bằng mô hình đa yếu tố với những yếu tố văn hoá - xã hội và tâm lý; Thay thế loại “con người thiên hướng kinh tế” hay Homo oeconomicus (hiện đang dần bị triệt tiêu vì không đủ sức sống) bằng một “con người đa dạng và luôn sẵn sàng hợp tác” (Homo cooperativus); và nhiều vấn đề khác nữa.

3. Những viên gạch nền móng của Kinh tế phát triển bền vững

Ngay từ những năm 1970 trở lại đây đã hình thành nhiều trường phái và cơ sở chuyên nghiên cứu các điều kiện của phát triển bền vững. Đặc biệt là: (a) Kinh tế môi trường tân cổ điển, (b) Kinh tế sinh thái, (c) Kinh tế môi trường thế hệ mới được coi là một nhánh phát triển từ Kinh tế sinh thái, (d) Trường phái của các nhà kinh tế Greifswald (Ott; Doering, 2004), (e) Nội dung của sự phát triển bền vững kết hợp của Tổ chức Helmholtz Gesellschaft (Kopfmüller, 2001), (f) Sinh thái công nghiệp của những năm 1990 (Isenmann; Hauff, 2007). Những trường phái này có những đóng góp tích cực nhất định cho nghiên cứu phát triển bền vững và các nội hàm của chúng đều được Kinh

tế phát triển bền vững tiếp nhận để phát triển lên một mức cao hơn.

Cũng như nhiều trường phái kinh tế khác thì ngay giữa các nhà kinh tế cùng dòng Kinh tế bền vững/sinh thái vẫn có những bất đồng về các vấn đề khác nhau, ví dụ thuyết phát triển bền vững phải được hiểu và định nghĩa như thế nào dưới góc độ kinh tế và khả năng nó sẽ thay thế thuyết tăng trưởng kinh tế như thế nào. Các nhà đại diện cho trường phái kinh tế truyền thống thì coi trọng việc tăng trưởng kinh tế liên tục là mục tiêu tối quan trọng của mọi chính sách phát triển kinh tế mà Chính phủ ban hành. Việc tăng liên tục theo hàm mũ tổng sản phẩm quốc nội GDP, ví dụ cho 1000 năm tới là không thể nào có được và dĩ nhiên sẽ bị loại bỏ, điều nguy hiểm ở đây là người ta xem nhẹ mọi hậu quả của việc bóc lột quá mức tài nguyên thiên nhiên. Còn các nhà đại diện của trường phái Kinh tế phát triển bền vững/sinh thái cho thuyết tăng trưởng nêu trên là không có tương lai (BUND/tổ chức Bánh mì cho thế giới 2008). Theo quan điểm của họ, nó phải được thay thế bằng thuyết phát triển bền vững, nghĩa là việc sử dụng tuyệt đối tài nguyên thiên nhiên hay mọi chu trình vật chất phải được cắt giảm (Hinterberger, 1996). Có như vậy thì chính sách với ba đường lối chiến lược của Kinh tế phát triển bền vững mới có thể đạt được, đó là: Hiệu quả, bền vững và đầy đủ.

Ở đây mọi người đều thống nhất quan điểm là việc thực hiện các giải pháp hiệu quả đơn lẻ thì gần như không dẫn đến phát triển bền vững. Người ta ví như mới thực hiện được 1/3 của cuộc cách mạng công nghiệp. Ở các nước công nghiệp phát triển, trong vòng 40 năm qua, người ta đã giảm tới 80-90% lượng tiêu dùng tài nguyên thiên nhiên. Điều này có nghĩa, hầu hết việc sáng tạo và phát triển ra các loại sản phẩm cũng như trang thiết bị mới chỉ tuân thủ các chỉ tiêu và qui tắc quản lý

của phát triển bền vững. Hiện còn nhiều tranh luận về thực hiện lộ trình này: Trong khi một số người có quan điểm là phải duy trì một nền kinh tế không tăng trưởng và đóng băng GDP; Đại diện của nhóm thứ hai thì khuyến cáo nên thực hiện đầy đủ mọi chiến lược định hướng phát triển công nghệ với mục tiêu hiệu quả và bền vững; Còn nhóm thứ ba thì yêu cầu tăng trưởng phải có lựa chọn, nghĩa là chỉ chọn một số quá trình đang bị thu hẹp ở một số lĩnh vực nhất định. Trong đó, thông qua việc thực thi các đường lối chiến lược cụ thể thì chúng ta có thể đảo chiều trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Đó là giảm liên tục một cách tuyệt đối việc sử dụng tài nguyên và khác hoàn toàn với việc sử dụng tương đối, nghĩa là đo tính việc tiêu dùng tài nguyên tính theo chỉ số GDP. Bằng cách tiếp cận mang tính chiến lược này thì năng suất sử dụng tài nguyên sẽ tăng liên tục từ năm này sang năm khác, nghĩa là năng suất sử dụng tài nguyên luôn lớn hơn tỷ lệ tăng trưởng GDP.

4. Đối với cá nhân con người

Do Kinh tế phát triển bền vững/sinh thái dựa trên nguyên tắc đạo đức nên nó đòi hỏi ở mỗi con người tinh thần trách nhiệm và hành động cá nhân. Ở đây chúng ta tôn trọng các nguyên tắc trọng tâm xuyên suốt như tính công bằng nội trong một thế hệ và giữa nhiều thế hệ (Bartmann, 1996; Hampicke, 1999) cũng như tinh thần trách nhiệm cá nhân (Kopfmüller, 2003). Vậy theo trường phái này, bên cạnh các mục tiêu tối ưu và hiệu quả mà trường phái kinh tế môi trường tân cổ điển vốn coi trọng thì còn phải tính đến các chỉ tiêu như sự công bằng, vấn đề phân phối và việc bảo tồn. Phải đảm bảo được mọi quyền của người đang sống cũng như thế hệ trong tương lai như quyền được đáp ứng về những nhu cầu cơ bản tối thiểu cho cuộc sống con người và con người phải được tiếp cận tự do với tài nguyên

thiên nhiên cũng như gìn giữ và bảo vệ các cơ sở cơ bản của cuộc sống tự nhiên (Kopfmüller, 2003). Tiếp theo, việc công nhận những giá trị cơ bản này cũng có nghĩa là chúng ta có thể coi các sản phẩm và mọi hình thức tiêu dùng là bền vững nếu chúng được chuyển giao cho mọi người mà không hề dẫn đến hiện tượng vượt ngưỡng sự/sức chịu đựng của thiên nhiên. Nguyên tắc dân chủ có sự tham gia cũng được coi là vô cùng quan trọng vì tất cả mọi vấn đề thuộc các lĩnh vực khác nhau cần phải được thảo/ tranh luận một cách công khai, rộng rãi và liên tục; và tất cả mọi người trong thế kỷ 21 phải được chuẩn bị tốt trong ứng xử với mọi thay đổi cực đoan. Qua đó, trách nhiệm cá nhân của mỗi con người luôn song hành với vai trò trung tâm của chính sách.

Ví dụ, việc sản xuất ra một chiếc ô tô con thì tốn hết 400.000 lít nước, một kg thịt bò tới 16.000 lít nước và một chiếc áo phông tới 20.000 lít nước. Sự quá tải đối với môi trường do sản xuất hàng hóa tiêu dùng gây ra, đã cho thấy chúng ta không thể bỏ qua những chiến lược ổn định dài hạn. Chính vì vậy mà ngày nay có nhiều người, dĩ nhiên chưa phải là đại đa số, mong muốn bản thân sống có trách nhiệm/đạo đức hơn với môi trường và muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình cho sự nghiệp phát triển bền vững. Song một thực tế là con người luôn có xu thế thể hiện giàu sang và thành đạt của mình bằng những kỹ thuật tân tiến đắt tiền, ví dụ ô tô to đẹp, hiện đại và ngón xăng. Một cách tiếp cận được coi là thành công nếu chúng ta đảo ngược được trào lưu này và biến sản phẩm tiết kiệm tài nguyên và năng lượng là một thứ để thể hiện cái uy, sự thành đạt của con người. Người ta vẫn thường hay đặt ra câu hỏi “Liệu sản phẩm đó đã tính đến điều đó chưa?” đối với các sản phẩm. Như được biết, một chiếc xe ô tô loại sang hay một xe đua thể thao thì không hề tính đến điều này. Song hệ

thống biến năng lượng mặt trời thành điện đã đem được kết quả đáng ghi nhận. Nói chung, chúng ta chưa có thể hoàn toàn tin tưởng vào giải pháp thay đổi hình ảnh như trên mà kinh tế phát triển bền vững vẫn luôn phải tạo ra hàng rào phân cách sinh thái.

5. Tiếp cận đa ngành

Kinh tế phát triển bền vững/sinh thái muốn thay đổi cách nhìn nhận thuần túy về kinh tế bằng cách tiếp cận đa ngành. Trong đó cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa khoa học chính sách và khoa học pháp lý trong các thảo luận để ban hành công cụ, cũng như kết hợp với các ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật để đưa ra các sản phẩm, trang thiết bị cũng như công nghệ mang tính bền vững cao. Việc phân tích các đối tác hoạt động kinh tế được coi là một nội dung trọng tâm tiếp theo, đã đưa ra kết quả là vẫn còn nhiều ngành của nền kinh tế quốc dân có tầm nhìn thiếu cận và chính vì vậy đã cản trở trong việc chuyển đổi một xã hội công nghiệp theo định hướng phát triển bền vững. Tình hình khủng hoảng tài nguyên và biến đổi khí hậu trên thế giới ngày càng trở nên nghiêm trọng nên việc kết hợp các thành phần có định hướng phát triển bền vững như Kinh tế, Chính sách và Xã hội dân sự, là vô cùng cần thiết.

6. Nguyên tắc chủ đạo về sinh thái

Việc thay đổi các điều kiện khung bằng chính sách và pháp luật được coi là cần thiết. Hầu hết các nhà đại diện của Kinh tế phát triển bền vững/sinh thái đều chấp nhận một thực tế là các yếu tố kinh tế - xã hội là nguyên nhân dẫn đến bóc lột quá mức tài nguyên thiên nhiên. Như vậy xét ở góc độ cân bằng sinh thái, thông thường, người dân có thu nhập cao bao giờ cũng sử dụng nhiều tài nguyên hơn người dân có thu nhập thấp, mặc dù bản thân họ có ý thức hơn đối với tài nguyên và môi trường. Nguyên nhân chính là người có thu nhập

cao thường đi lại bằng xe hơi, máy bay, ở nhà to rộng, dùng điện và nhiều điều hòa không khí hay máy sưởi ấm... so với người dân có thu nhập thấp và có ý thức kém về tài nguyên và môi trường (Kulke, 1993; Bodenstein, 1998). Do vậy mà các nhà kinh tế phát triển bền vững kết luận là mức thu nhập của đại đa số đối với việc sử dụng môi trường đóng vai trò quan trọng hơn là mức độ ý thức và Nhà nước cần can thiệp thông qua các công cụ chính sách và pháp luật để cân đối sự thất bại thị trường (Holstein, 2003).

Nguyên tắc chủ đạo về sinh thái như vậy được coi là điều kiện cần cho phát triển bền vững. Thiếu nó thì không có sự phát triển bền vững. Trọng tâm là một tổ hợp các công cụ, đặc biệt phải kể đến các công cụ kinh tế môi trường như sinh thái hóa toàn bộ hệ thống tài chính, điều chỉnh bằng hệ thống thưởng phạt (hệ thống chế tài) và các quyền sử dụng tài nguyên thiên nhiên cũng như các công cụ như qui tắc trật tự với các kế hoạch phân theo cấp như trách nhiệm sử dụng, tiêu chuẩn, định mức và giới hạn. Yêu cầu tân cổ điển trong tính toán thời điểm khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên tối ưu thì xét về mặt đạo đức và các vấn đề tiền tệ hóa đều bị bác bỏ (Rogall, 2008). Song trước hết, các nhà đại diện của Kinh tế phát triển bền vững/sinh thái vẫn áp dụng phương pháp tiền tệ hóa với lý do sách lược để có được số liệu về mức độ hay qui mô thiệt hại môi trường để dùng vào các cuộc thảo luận công khai với cộng đồng, ví dụ khi đề cập đến các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Song không được phép quên một điều là, thực chất đó là việc xác định giới hạn chịu đựng của thiên nhiên và tiến tới bảo tồn nó, nghĩa là giảm mức tiêu dùng tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo sự tồn tại lâu bền của nó. Đại diện của các nhà Kinh tế phát triển bền vững/sinh thái khuyến cáo: (a) áp dụng phương pháp chuẩn mực – giá cả trong các tiêu chuẩn

và với các công cụ về mặt chính sách và pháp lý (Baumol/Oates, 1971; Bartmann, 1996); (b) Lý thuyết của các hàng hóa có công mà trong đó Nhà nước phải ban hành và thực thi chính sách tiêu chuẩn định mức (Musgrave, 1975; Bartmann, 1996).

7. Hệ đo lường mới

Ngay cả việc vận hành khái niệm bền vững và các hệ thống đo lường mới trở nên cấp thiết. Do có nhiều cách hiểu khác nhau nên đang có nguy cơ là khái niệm phát triển bền vững trở thành một khái niệm quá rộng và trống rỗng. Để ngăn cản xu thế phát triển này, buộc chúng ta phải mô tả các nguyên tắc, qui định quản lý và các hệ thống đo lường mới. Như khái niệm

về dân chủ thì khái niệm về bền vững cần phải được thể hiện bằng nhiều chi tiết khác nhau, song về bản chất phải được tương minh.

Kinh tế phát triển bền vững/sinh thái phê phán cách đo lường phúc lợi của Kinh tế truyền thống, trong đó thì mức độ hạnh phúc, phúc lợi và tiêu dùng đều bị đánh đồng và trên cơ sở đó xây dựng hệ mục tiêu và các chỉ số (Radke, 1999; Costanza, 2001). Như trong bảng 1 ta thấy, ở đây trên cơ sở các mục tiêu về chất lượng thì các mục tiêu hành động có thể đo tính được phải được mô tả và mức độ thực hiện được phải được giám sát thông qua Tổng cục Thống kê (Chính quyền Liên bang, 2008).

Bảng 1. Ba góc của tam giác Kinh tế phát triển bền vững nằm trong giới hạn và khả năng chịu đựng của thiên nhiên

Mục tiêu kinh tế	Mục tiêu sinh thái	Mục tiêu văn hóa - xã hội
1. Đảm bảo sự tồn tại độc lập với điều kiện chất lượng lao động có thể chấp nhận được mà đảm bảo cuộc sống tôn trọng con người và an toàn xã hội	Bảo vệ bầu khí quyển (trong đó có cả khí hậu)	Dân chủ có sự tham gia của người dân và một nhà nước có pháp luật ở trong mọi lĩnh vực của cuộc sống
2. Đảm bảo các nhu cầu cơ bản về các sản phẩm bền vững (lương thực phẩm, nước, nhà ở, quần áo, phương tiện vận chuyển, điện), cải tổ xã hội công nghiệp về mặt sinh thái	Điều kiện sống khỏe mạnh (không có chất độc hại và tiếng ồn)	An toàn trong xã hội, không có nghèo đói
3. Ổn định giá cả và hạn chế tập trung hóa kinh tế ở mức cao (chống độc quyền), nội hóa các ngoại ứng	Gìn giữ chủng loài và sự đa dạng của cảnh quan thiên nhiên	An ninh trong và ngoài nước, giải quyết tranh chấp không dùng bạo lực
4. Cân bằng cán cân ngoại thương và hợp tác trong phát triển với mức tự cung tự cấp cao, giảm nhập khẩu nguyên vật liệu thô	Sử dụng bền vững những tài nguyên tái sinh	Đảm bảo và hội nhập xã hội (ví dụ đảm bảo quyền bình đẳng về giới)
5. Ngân quỹ Quốc gia đủ để chi trả cho việc gìn giữ các hàng hóa tập thể/có công với các mức chuẩn mực đầy đủ cần thiết và đảm bảo phân phối thu nhập một cách thích hợp	Sử dụng bền vững những tài nguyên không tái sinh	Bảo vệ sức khỏe con người và chất lượng của cuộc sống

Nguồn: Rogall 2000 - 2008, Viện Dân biểu, 2006, Do Rogall và Treschau lập năm 2008.

8. Xây dựng một nền kinh tế thị trường bền vững

Đại diện của Kinh tế bền vững/sinh thái đã đưa ra hàng loạt các thất bại thị trường để làm minh chứng, ví dụ các vấn đề như nghèo đói và sự bất công trong phân phối thu nhập, khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, làm suy kiệt các hàng hóa có công và các vấn đề an ninh (Rogall 2006). Sự thất bại thị trường có thể giảm đến mức có thể chấp nhận được nếu Chính phủ can thiệp thông qua việc ban hành và áp dụng chính sách nhất định. Chính vì vậy mà ta gọi là một nền kinh tế thị trường bền vững hay nền kinh tế thị trường hỗn hợp (Hauff, 2008). Một nền kinh tế thị trường bền vững được hiểu là một hệ thống kinh tế được xây dựng dựa trên nguyên tắc đạo đức theo nguyên lý công bằng nội trong một thế hệ và đa thế hệ cũng như trách nhiệm. Ở đây, yếu tố thị trường không hề bị loại bỏ, mà vẫn được duy trì trong một khung phát triển với sự can thiệp của các công cụ chính sách - pháp lý cũng như nguyên tắc chủ đạo về sinh thái, các điều luật về xã hội và sự tham gia/đóng góp của người dân trong việc ra quyết định. Khung phát triển đảm bảo cân bằng hậu quả của những thất bại thị trường và cải tổ cơ cấu của nền kinh tế quốc dân theo các chỉ tiêu và nguyên tắc của kinh tế phát triển bền vững.

Để chuyển đổi nhanh chóng từ một xã hội công nghiệp đang hiện hữu và thịnh hành mà nguyên Thủ tướng Đức Helmut Schmidt đã từng phê phán là "*Chủ nghĩa tư bản theo kiểu thú dữ ăn thịt*", sang một nền kinh tế phát triển bền vững thì chúng ta phải chọn những lĩnh vực chiến lược trọng tâm và đẩy mạnh chúng phát triển. Ở đây phải kể đến việc xây dựng chính sách phát triển bền vững dành cho phát triển kinh tế, năng lượng, giao thông, bảo vệ/tồn tài nguyên và sản xuất ra sản phẩm. Có thể nói, những lĩnh vực này đặc biệt thích hợp vì chúng là những ví dụ điển hình về phát triển bền vững thực sự chứ không phải phát triển trong sự khổ hạnh, hy sinh, hay phải chịu

cảnh nghèo đói. Qua đó chứng minh đó là sự phát triển bền vững với hàng hóa ngày càng dồi dào và chất lượng cuộc sống của con người ngày được nâng cao nằm trong những giới hạn nhất định của (hay sự chịu đựng nhất định) thiên nhiên. Trong đó cho ta thấy các cơ hội tạo thêm công ăn việc làm cho người dân và chính sách xã hội liên quan, đồng thời cũng chỉ ra những cản trở và những vấn đề cần phải giải quyết để từ nay cho đến giữa hoặc cuối thế kỷ 21 để con người buộc phải chuyển hoàn toàn từ thời kỳ sử dụng năng lượng hóa thạch sang năng lượng mặt trời.

9. Những điều kiện cơ bản mang tính toàn cầu

Đại diện của trường phái Kinh tế bền vững/sinh thái đều thống nhất về những nhận định và mục tiêu sau. (a) Các quan hệ trao đổi hàng hóa và phân công lao động bất hợp lý giữa các nước phát triển và đang phát triển đã dẫn đến tình trạng thừa mứa vật chất ở các nước công nghiệp và nghèo đói ở các nước đang phát triển. (b) Một phát triển bền vững mà không tính đến sự công bằng đa thế hệ thì không được phép xảy ra. Theo nguyên tắc trách nhiệm chung, nhưng có phân biệt đối xử thì các quốc gia công nghiệp do quá trình phát triển lịch sử để lại và bản thân họ có khả năng thực thi cao hơn (tiền của, kiến/tri thức,...) nên phải có trách nhiệm lớn hơn (Kopfmüller, 2003). (c) Việc ban hành một trật tự chung toàn cầu được coi là cần thiết. Với những chuẩn mực tối thiểu về mặt xã hội - sinh thái người ta có thể kiểm tra và giám sát các quá trình phát triển cũng như đảm bảo các cơ chế công bằng trong trao đổi hàng hóa thương mại (Costanza, 2001; Kopfmüller, 2003). (d) Mức tiêu dùng hiện nay về tài nguyên tính theo đầu người ở các nước công nghiệp không được áp dụng cho 7 tỷ người hiện nay và 9 tỷ cho đến 2050. Đến thời điểm hiện tại thì chúng ta đã vượt quá ngưỡng về tải lượng môi trường cho phép. Đại diện của

trường phái Kinh tế bền vững/sinh thái yêu cầu giảm 50% lượng tiêu dùng tài nguyên thiên nhiên từ nay đến 2050. Do các nước đang phát triển không thể giảm lượng tiêu dùng này, mà ngược lại có xu thế tăng lên, nên buộc các quốc gia công nghiệp phải giảm nhiều hơn, cụ thể từ 80-90%. (e) Các quốc gia đang chuyển đổi sang quốc gia công nghiệp như Trung Quốc, Ấn Độ, Braxil, không được phép chạy sau sự phát triển về kỹ thuật và cơ cấu của các quốc gia công nghiệp mà phải bắt tay ngay vào việc nghiên cứu để tìm ra các công nghệ sử dụng một cách hiệu quả tài nguyên và bền vững cũng như thông qua hình thức chuyển giao công nghệ. (f) Tất cả các quốc gia đang chuyển đổi và các nước đang phát triển phải có trách nhiệm trước việc gia tăng dân số của mình do tổng tải lượng đối với các điều kiện sống tự nhiên không phải đơn giản chỉ là phép nhân giữa nhu cầu đầu người và số dân (Costanza, 2001). (g) Để đạt được các mục tiêu đề ra thì các tổ chức quốc tế buộc phải cải tổ. Trong đó, ví dụ các nước đang chuyển đổi phải được tham dự vào nhóm các quốc gia lớn và thành lập G20, để họ cùng được bàn luận và ra quyết định.

10. Tâm nhìn định hướng

Trong 20 năm qua chúng ta đã chứng kiến quá trình “kinh tế hóa” trong mọi lĩnh vực của đời sống con người. Song song với việc tăng cường phát triển kinh tế và đẩy mạnh cơ chế thị trường như một nguyên tắc thống soái toàn bộ đời sống công cộng thì vô hình chung những người ra quyết định dân chủ hợp pháp đã bị mất đi một phần nào tiềm năng điều khiển xã hội của mình. Trong khi đó, người ta đang dần quay lại và công nhận một điều là Chính phủ cần phải đưa ra một khung trật tự với nguyên tắc chủ đạo về phát triển bền vững xét ở góc độ sinh thái - xã hội (Chính phủ liên bang Đức, 2008). Chúng ta đã có sẵn các công cụ cần thiết để dẫn đến sự phát triển đó, song vẫn chưa cụ thể và đầy đủ.

Kinh tế bền vững/sinh thái có thể đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình tiến đến phát triển bền vững, nếu như làm được một điều, đó là bỏ qua mọi sự khác biệt nhỏ nhoi khác và tập trung mọi nỗ lực để tự khẳng định tính vượt trội của mình so với Kinh tế môi trường truyền thống thông qua lập luận có căn cứ khoa học và sát thực tế cũng như đưa ra những kiến/nhận thức trong các thảo luận công khai. Có thể trong thời gian tới vẫn còn nhiều ý kiến trái chiều. Trong đó có nhiều chuyên gia cho là cần phải giải quyết các vấn đề gay gắt trước mắt do khủng hoảng tài chính và kinh tế gây ra. Như vậy quá trình chuyển đổi theo hướng phát triển bền vững sẽ bị chậm lại. Song trong mọi hoàn cảnh chúng ta phải kiên định với quan điểm và đường đi, tránh dựa vào những lý thuyết đã trở nên lỗi thời và đã đến lúc phải làm dấu chấm hết đối với tư duy kinh tế. Điều đó có thể làm được bằng việc liên kết các biện pháp khắc phục hậu quả của khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng như cải tổ lại xã hội công nghiệp theo hướng bền vững và tích cực xây dựng cũng như mở rộng mạng lưới kinh tế phát triển bền vững trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sử dụng và trích dẫn từ nhiều bài báo, giáo trình và sách của giáo sư Holger Rogall cũng như nhiều tác giả khác, tham khảo trang web: <http://www.holger-rogall.de>

- 1 Fachhochschule fuer Wirtschaft und Recht Berlin (tiếng Đức), Applied university for Economics and Law Berlin (tiếng Anh)
- 2 Die neue Umweltoekonomie (tiếng Đức), The new environmental Economics (tiếng Anh)
- 3 Die nachhaltige Oekonomie (tiếng Đức), Economics for sustainable economics (tiếng Anh)